

BÀ NỘI NOZIÈRE

*Anatole France,
bản Tiếng Việt: Kim Ngân*

Buổi sáng hôm đó, cha tôi tỏ vẻ bối rối. Mẹ tôi bần rộn nói nhỏ tiếng. Trong phòng ăn, một bà thợ may đang may những trang phục màu đen.

Bữa ăn sáng thật u buồn và đầy những lời xì xầm. Tôi nhận thấy rõ có điều gì đó đang diễn ra.

Cuối cùng, mẹ tôi, mặc toàn y phục đen và đầu trùm khăn voan, bảo tôi:

“Hãy đi với mẹ, con yêu.”

“Pierre, hãy nghe mẹ nói. Bà nội Nozière của con... như con biết, mẹ của cha con... đã chết hồi hôm này. Chúng ta hãy đi chào vĩnh biệt bà và hôn bà lần cuối cùng.”

Và tôi thấy mẹ tôi khóc. Đối với tôi, tôi cảm thấy

dâng lên một ấn tượng rất mạnh; vì điều đó chưa xóa nhòa từ bao năm qua, và mơ hồ đến nỗi tôi không thể diễn tả điều đó bằng lời. Thậm chí tôi không thể nói rằng đó là một cảm giác ưu buồn. Nỗi buồn ít ra cũng không có gì khó chịu. Có lẽ chỉ một từ, từ thơ mộng cũng có thể thích hợp cho cảm giác không được hình thành bởi bất cứ yếu tố thực tại nào đó.

Suốt dọc đường, tôi nghĩ đến bà nội tôi; nhưng tôi không thể tạo ra một ý tưởng về chuyện gì đã xảy ra cho bà. Chết! Tôi không đoán điều đó có nghĩa là gì. Tôi chỉ cảm thấy đó là giờ nghiêm trọng.

Bằng một ảo tưởng có thể biểu hiện bằng lời, khi đến gần ngôi nhà có tang, tôi nhận thấy vùng phụ cận và toàn thể bà con láng giềng đều chịu tác động bởi cái chết của bà nội tôi. Tôi nhận thấy bầu khí im lặng ban sáng trên các con phố, những tiếng gọi của những người láng giềng, phong thái nhanh nhẹn của khách bộ hành, tiếng búa đóng đinh của thợ làm móng ngựa có nguyên nhân từ cái chết của bà nội tôi. Với ý tưởng đang choán lấy toàn bộ tâm trí tôi, tôi liên kết vẻ đẹp của cây cối, không khí êm dịu với bầu trời trong sáng, mọi thứ như được chú ý lần đầu tiên.

Tôi cảm thấy mình bước đi trên con đường huyền bí, và ở góc cua của con phố, tôi nhìn thấy khu vườn và ngôi nhà nhỏ rất quen thuộc, tôi cảm thấy như thất vọng vì không tìm thấy điều gì khác

lạ. Những chú chim đang hót vang.

Tôi lo sợ và nhìn mẹ tôi. Với nét mặt sợ hãi có tính cách tôn giáo, đôi mắt bà nhìn sừng vào một điểm và đến lượt tôi cũng nhìn về hướng đó.

Lúc bấy giờ, qua những tủ kính và những tấm rèm trắng của căn phòng bà nội, tôi nhìn thấy ánh sáng mờ mờ, một thứ ánh sáng yếu ớt và nhạt nhạt lung linh. Ánh sáng tang tóc này đan xen trong ánh sáng chói chang ban ngày đến nỗi tôi phải cúi đầu để khỏi nhìn nó nữa.

Chúng tôi leo lên chiếc cầu thang nhỏ bằng gỗ và đi qua căn hộ hết sức im lặng. Khi mẹ tôi đưa tay mở cửa phòng, tôi muốn ngăn cánh tay bà lại... Chúng tôi đi vào. Một nữ tu ngồi trong một chiếc ghế pho tô ở đầu giường liền đứng lên nhường chỗ cho chúng tôi. Bà nội tôi nằm đó, đôi mắt nhắm nghiền.

Hình như mái đầu của bà nặng trĩu, nặng trĩu như một tảng đá, vì gối nằm của bà trũng xuống! Tôi nhìn thấy bà rõ biết chừng nào! Một mũ bê-nê trắng che giấu mái tóc; bà trông có vẻ trẻ hơn bình thường, mặc dù nét mặt nhạt nhạt.

Ồ! Bà không có vẻ gì là đang ngủ! Nhưng nụ cười ranh mãnh và bướng bỉnh khó thấy này đến với bà từ đâu?

Hình như hai mí mắt hơi phập phồng, chắc chắn bởi vì chúng bị phơi ra ánh sáng lung linh của hai

cây nến cháy sáng trên bàn, bên cạnh một chiếc đĩa trên đó có một nhánh hoàng dương nhúng trong nước thánh.

“Hãy ôm hôn bà đi con”, mẹ bảo tôi.

Tôi chia môi. Tôi cảm nhận một thứ gì lạnh lạnh không tên và sẽ không bao giờ có tên.

Tôi đưa mắt nhìn xuống và nghe mẹ tôi nức nở thốn thức.

Thật ra tôi không biết tôi sẽ trở nên như thế nào, nếu như cô giúp việc của bà nội không dắt tôi ra khỏi căn phòng này.

Cô nắm lấy tay tôi, dẫn tôi đến tiệm bán đồ chơi và nói với tôi: “Cháu hãy chọn một món đi”

Tôi chọn một cái nỏ và tôi chơi trò ném những hạt đậu Ấn Độ trong những tán lá cây.

Tôi đã quên mất bà nội.

Chi vào buổi chiều, khi nhìn thấy ba tôi, những ý tưởng ban sáng mới trở về với tôi. Ba tôi không còn dễ nhận ra nữa. Gương mặt ông sưng phồng lên, sáng sủa, tràn trề nhiệt huyết, đôi mắt ươn ướt, cặp môi mím lại.

Ông không nghe điều mọi người nói với ông. Thái độ ông chuyển từ nặng trĩu qua sốt ruột. Bên cạnh ông, mẹ tôi viết các địa chỉ trên những bức thư viên màu đen. Bà con họ hàng đến giúp cho bà. Người ta bày cho tôi gấp các bức thư. Mười hai

người chúng tôi ngồi quanh bàn. Trời nóng. Tôi đang làm một công việc mới; điều đó làm cho tôi trở nên quan trọng và thích thú.

Sau cái chết của bà nội, đối với tôi, bà lại sống một cuộc sống thú hai đáng chú ý hơn cuộc sống đầu tiên. Tôi hình dung với một sức mạnh khó tin tất cả những gì tôi đã nhìn thấy bà làm hay nghe bà nói xưa kia, và cha tôi mỗi ngày đều kể những câu chuyện về bà, điều này khiến bà sống động đối với chúng tôi đến nỗi thỉnh thoảng ở bàn sau bữa ăn chiều hình như chúng tôi đã nhìn thấy bà bẻ bánh mì. Tại sao chúng tôi đã không nói với hình bóng thân thương này điều mà hai vị khách hành hương trên đường Emmaus nói với Thầy họ:

“Xin thầy ở lại với chúng con, vì thời gian đã muộn và trời đang tối dần.”

Ồ! Bà làm một hồn ma tử tế biết chừng nào, với chiếc mũ bê-nê viền đằng ten và dây ruy băng màu xanh! Nó không nghĩ rằng bà đang tập làm quen với thế giới bên kia. Cái chết ít thích hợp với bà hơn với bất cứ ai. Cái chết phù hợp với một tu sĩ, hay với một vị nữ anh hùng hơn. Nhưng điều đó không thích hợp chút nào với một bà già nhỏ thó hay cười và nhẹ dạ, rất mệt mỏi, như bà nội Nozière.

Tôi sẽ nói với các bạn điều mà chỉ một mình tôi khám phá, khi bà còn sống.

Bà nội nhẹ dạ; bà nội có một đời sống đạo đức dễ chịu; bà nội không có nhiều lòng mộ đạo hơn một con chim. Phải nhìn thấy con mắt nhỏ xoe tròn của bà nhìn chúng tôi, khi mẹ tôi và tôi đi nhà thờ vào ngày Chúa Nhật. Bà mỉm cười tính nghiêm nghị của mẹ tôi đối với tất cả những công việc của thế giới này và thế giới khác. Bà dễ dàng tha thứ những khuyết điểm của tôi, và tôi tin bà là phụ nữ biết tha thứ những khuyết điểm lớn lao hơn những khuyết điểm của tôi. Bà có thói quen nói về tôi:

“Nó sẽ trở thành một người đàn ông khỏe mạnh khác với cha nó.”

Qua đó bà hiểu tôi dùng thời kỳ trai trẻ của tôi để khiêu vũ và tôi sẽ đem lòng yêu hàng trăm ngàn cô trinh nữ. Bà làm tôi vui thích. Điều duy nhất bà tán thành trong tôi, nếu như bà còn ở trần thế này (nơi bà tính ra được một trăm mười tuổi hiện nay). Đó là một cuộc sống dễ dàng và một sự khoan dung hạnh phúc mà tôi đã không trả giá quá đắt bằng cách mua chúng với giá cả của một vài niềm tin luân lý và chính trị. Những phẩm chất này của bà nội tôi có sức lôi cuốn nhờ những nét duyên dáng tự nhiên. Bà mất đi mà không biết mình từng sở hữu chúng. Sự thua kém của tôi là nhận biết mình khoan dung và hòa đồng.

Bà nội tôi sống vào thế kỷ XVIII. Điều đó thật rõ ràng! Tôi tiếc là người ta không viết hồi ký về bà. Để viết được những điều đó, bà lại không có

khả năng. Nhưng cha tôi đã không làm việc đó thay vì đo đạc những hộp sọ của dân tộc Papous và Boschimans hay sao? Caroline Nozière sinh tại Versailles ngày 16 tháng Tám 1772; bà là con gái của lương y Dussel, con người mà Cabanis trân quý bộ óc thông minh và tính cách. Chính Dussel là người vào năm 1786 đã chăm sóc cho thái tử mắc bệnh tinh hồng nhiệt nhẹ. Một chiếc xe hơi của hoàng hậu đến Lucienne hàng ngày chở ông đến căn nhà nhỏ nơi ông sống trong cảnh nghèo nàn với những quyển sách và bộ bách thảo, giống như một môn đồ của Jean-Jacques. Một ngày nọ, xe hơi chạy vào cung điện mà không có ông trên xe; ngài lương y đã từ chối đến đó. Vào lần thăm tiếp theo, hoàng hậu giận dữ nói với ông:

“VẬY là ông lãng quên chúng tôi sao!”

“Thưa Hoàng Hậu, Dussel đáp, những lời khiển trách của hoàng hậu làm tổn thương thần đấy; nhưng đó cũng là điều tự nhiên và xứng đáng đối với một người mẹ. Hoàng hậu đừng nghi ngờ, thần sẵn sóc con trai hoàng hậu hết sức tận tình. Nhưng hôm qua thần buộc phải ở nán lại nhà một phụ nữ đang ở củ.”

Năm 1789, Dussel xuất bản một tập sách mỏng mà tôi không thể không trân quý khi mở sách, hay đọc nó mà không mỉm cười. Sách đó có nhan đề: *Les Voeux d'un citoyen*, và câu khắc ghi: *Miseris succurrere disco*. Trong lời mở đầu, tác giả

viết là ông thốt ra, dưới mái tranh, những lời thể hạnh phúc của những người Pháp. Sau đó với sự ngây thơ, ông phác họa những quy tắc của hạnh phúc chung; đó là quy tắc của một nền tự do khôn ngoan, được Hiến Pháp bảo đảm. Ông kết thúc bằng cách thông báo lòng biết ơn của những con người nhạy cảm đối với vua Louis XVI, vua của một dân tộc tự do và ông loan báo sự trở lại thời đại vàng son.

Ba năm sau, người ta chém đầu những bệnh nhân của ông, đồng thời cũng là những bạn hữu của ông và chính ông bị nghi ngờ về tội theo chủ nghĩa ôn hòa, ông bị điệu về Versailles, bị nhốt trong tu viện *des Récollets* lúc đó được cải tạo thành nhà giam theo lệnh của bá tước de Sèvres. Ông đến nơi với thân thể bần thiu và giống như một lão già lang thang hơn là một vị lương y triết gia. Ông đặt xuống đất một túi xách nhỏ chứa đựng những tác phẩm của Raynal và Rousseau, ông thả mình ngồi phịch xuống một chiếc ghế và than thở:

“Có phải đây là phần thưởng của năm mươi năm sống đạo đức hay không?”

Một thiếu phụ rất đẹp, mà ông chưa bao giờ thấy trước đó, bước lại gần ông mang theo một chậu nhỏ và một miếng xốp, bà nói với ông:

“Chắc chắn chúng ta sẽ bị chém đầu, thưa ngài.

Trong khi chờ đợi, ngài có muốn cho phép tôi lau mặt và tay của ngài không, vì trông ngài giống như một người rừng?

“Người thiếu phụ nhạy cảm ơi, ông lão Dussuel nói to, có phải tôi gặp bà trong nơi lưu đày tội ác này không. Tuổi tác, gương mặt, những lối cư xử của bà, mọi thứ đều khiến cho tôi biết rõ bà là người vô tội.”

“Tôi chỉ mắc mỗi cái tội là đã khóc cho cái chết của vị vua tuyệt vời nhất trong các vị vua”, bà tử tù xinh đẹp đáp.

“Louis XVI có những nhân đức, ông cố tôi lặp lại; nhưng sự vinh quang của ông không là gì, nếu ông từng trung thành cho đến cùng với Hiến Pháp cao trọng này”!...

“Sao, thưa ông, người đàn bà vừa nói to vừa vẩy vẩy miếng xốp bẩn, ông là một người theo phe *jacobin* và thuộc phe của những kẻ cướp”!...

“Này! Thưa bà, bà có phải thuộc thành phần của những kẻ thù của nước Pháp không? Dussel than thở sau khi được lau rửa qua loa. Có thể nào người ta tìm thấy tính nhạy cảm nơi một nhà quý tộc ư?”

Bà tên là de Laville và để tang cho nhà vua. Trong bốn tháng cả hai người bị giam chung, bà không ngừng cãi cọ với người bạn tù nhưng vẫn tìm cách phục vụ giúp đỡ cho ông. Trái với sự

mong đợi của họ, người ta không chém đầu họ; họ được phóng thích nhờ vào một bản báo cáo của nghị sĩ Battelier, và Bà de Laville sau này đã trở thành người bạn tốt nhất của bà nội tôi, lúc bấy giờ bà nội tôi đã tám mươi mốt tuổi và đã thành hôn từ ba năm qua với công dân Danger, thượng sĩ của một tiểu đoàn lính tình nguyện vùng Haut-Rhin.

“Đó là một người đàn ông rất đẹp trai, bà nội tôi nói, nhưng bà không chắc sẽ nhận ra ông trên đường phố.”

Nói chung, bà tin chắc không bao giờ nhìn thấy ông quá sáu giờ trong năm lần gặp mặt. Bà cười ông bởi một ý tưởng trẻ con là có thể mang một kiểu tóc dân tộc. Trên thực tế, bà không muốn lấy chồng. Còn ông thì muốn tất cả các phụ nữ. Ông bỏ đi; bà để ông đi mà không oán giận ông chút nào.

Bằng cách lên đường tìm kiếm sự vinh quang, Danger giao lại mọi tài sản cho vợ ông. Trong ngăn kéo tủ bàn giấy, ông để lại những biên lai nhận tiền của anh trai ông, Danger de Saint-Elme, sĩ quan trong quân đội của Condé, và một bọc thư từ do những người bị trục xuất viết. Đó là lý do có thể làm cho bà nội và năm mươi người đồng hành với bà lên đoạn đầu đài.

Bà vẫn hoài nghi về điều này, và mỗi lần có ai đến khám xét nhà trong khu phố, bà tự nhủ: “Có lẽ tôi sẽ phải đốt các giấy tờ của ông chồng tình

ranh của tôi mất.” Nhưng các ý tưởng nhảy múa quay cuồng trong đầu bà. Tuy nhiên bà cũng quyết định điều đó vào một buổi sáng nọ.

Bà đã chớp lấy thời cơ thích hợp!...

Ngồi trước lò sưởi, bà lựa chọn những giấy tờ trong hộc tủ bàn giấy, sau khi bày la liệt lộn xộn trên tràng kỷ. Trong âm thầm lặng lẽ, bà phân chia thành những chồng thư nho nhỏ, đồng thời để riêng những thứ có thể giữ lại, và những thứ cần phải đốt. Bà đọc một dòng ở nơi này, một dòng ở nơi khác, trang này hoặc trang nọ và đầu óc của bà xuyên suốt từ kỷ niệm này qua kỷ niệm khác, moi móc trên đường đời một chút quá khứ nào đó, thỉnh thoảng bà nghe tiếng mở cửa ra vào. Bằng sự khám phá bất ngờ của bản năng, bà biết ngay đó là một đợt khám xét nhà.

Bà ôm tất cả các loại giấy tờ và ném xuống dưới tràng kỷ, buông tấm vải trùm phủ xuống tận dưới nền nhà. Vì giấy tờ ló ra ngoài, bà dùng chân lùa chúng vào phía dưới tràng kỷ. Một mòm nhọn thư từ vẫn còn chìa ra giống như mút đầu tai của một chú mèo con màu trắng, khi một đại diện của Ủy ban an ninh bước vào phòng cùng với sáu người lính của phân khu có trang bị súng, gươm và giáo. Bà Danger đứng ngay trước tràng kỷ. Bà suy nghĩ đến cái chết hầu như chắc chắn sẽ đến với bà, bà chỉ còn lại một phần nghìn may mắn, và điều gì sắp diễn ra khiến bà vô cùng bồi hồi lo lắng.

“Thưa nữ công dân, vị chủ tịch phân khu nói với bà, bà bị tố cáo là đang giữ thu từ liên lạc với những kẻ thù của nước Cộng Hòa. Chúng tôi đến tịch thu tất cả các giấy tờ đây.”

Nhân viên Ủy ban an ninh ngồi trên tràng kỷ để viết biên bản tịch biên tài sản.

Lúc bấy giờ, các nhân viên khác lục soát tất cả các đồ đạc, dùng móc mở các ổ khóa và dốc cạn hết các ngăn kéo. Vì không tìm được thứ gì, họ phá toang các tủ hộc tường, xô ngã các tủ com-mốt, lật ngược lại các bức tranh và dùng lưới lê chọc thùng ghé phô toi và tấm nệm; nhưng thật uổng công. Họ thử sức bần các vách tường với những cú gõ bằng báng súng, thăm dò các lò sưởi và xới tung lên vài tấm ván mỏng nền nhà. Họ khổ công vô ích. Sau cùng, sau ba giờ lục soát không có kết quả và dẫn đến những sự tàn phá vô ích. Mệt mỏi, thất vọng, và bẽ mặt, họ rút lui và hứa sẽ quay lại. Họ đã không nhìn phía dưới tràng kỷ.

Ít ngày sau, khi trở về từ buổi xem hài kịch, bà nội tôi tìm thấy ở cửa nhà mình một người đàn ông hốc hác, xanh xao, biến dạng bởi một hàm râu xám ngét và bản thiêu, ông lao mình phủ phục dưới chân bà và nói:

“Hỡi nữ công dân Danger, tôi là Alcide, hãy cứu tôi!”

Lúc bấy giờ bà đã nhận ra ông.

“Lạy Chúa tôi! bà nói, có thể nào ông là Alcide, thầy dạy khiêu vũ của tôi đây sao? Tôi gặp lại ông trong hoàn cảnh như thế nào vậy, ông Alcide!”

“Tôi bị đày biệt xứ, thua nữ công dân; hãy cứu tôi!”

“Tôi chỉ có thể cố gắng xem sao. Chính tôi cũng bị nghi ngờ, và cô đầu bếp của tôi cũng theo phái jacobin. Ông hãy theo tôi. Nhưng chú ý đừng để cho người gác cổng của tôi nhìn thấy ông. Anh ta là viên chức thành phố.”

Họ leo lên cầu thang, và bà Danger xinh đẹp này tự nhốt mình trong căn hộ với ông Alcide đáng thương hại, ông run rẩy vì sốt và lặp lại khi hai hàm răng ông đánh lập cập:

“Hãy cứu tôi, hãy cứu tôi!”

Nhìn thấy vẻ mặt đáng thương hại của ông, bà muốn bật cười. Tuy nhiên tình hình thật nguy kịch.

“Nhét ông ta ở đâu đây nhỉ?” bà nội tôi tự hỏi trong khi đưa mắt nhìn những cái tủ và các tủ com mốt.

Vì không tìm được một nơi nào khác cho ông, bà nảy ra ý tưởng để ông nằm bên trong giường của bà.

Bà kéo hai tấm nệm ra ngoài những tấm nệm khác và nhờ đó tạo thành một khoảng trống gần vách tường, bà dúm Alcide vào đó. Chiếc giường

vì thế trông có vẻ bị xáo trộn. Bà cởi trang phục thường ngày và đặt mình trên giường. Sau đó, vừa rung chuông gọi cô đầu bếp, bà vừa nói:

“Cô Zoe ơi, tôi đang khó ở; cô hãy dọn cho tôi món gà giò, xà lách và một ly rượu vang Bordeaux. Cô Zoe, hôm nay có gì mới lạ không!”

“Có một sự mưu phản của bọn quý tộc ăn mày, họ muốn làm cho mình bị chém đầu cho đến người cuối cùng. Quân cách mạng đã để mắt tới rồi đấy! *Çà ira! Cà ira!*... anh gác cổng đã cho tôi biết có một tên tội phạm tên là Alcide bị truy tìm trong phân khu và bà có thể chờ đợi một cuộc khám xét nhà vào đêm nay đấy.”

Giữa hai tấm nệm, Alcide lắng nghe những lời nói nhẹ nhàng này. Sau khi cô Zoe bỏ đi, ông run rẩy vì căng thẳng làm cả chiếc giường rung lên, việc hô hấp của ông trở nên khó khăn đến nỗi làm cho toàn bộ căn phòng ngập tràn tiếng rít.

“Thế là quá tốt”, Bà Danger tự nhủ.

Bà ăn cánh gà giò, và chuyển cho Alcide ly rượu vang Bordeaux độ hai lóng tay.

“À, thưa bà! Chúa Giê-su ơi!... Alcide la to

Và ông bắt đầu rên rỉ thật to.

“Tuyệt vời! Bà Danger tự nhủ, hội đồng thị chính chỉ cần đến...”

Dòng suy tư của bà dừng lại ở đó, khi tiếng ồn

của những báng súng nện mạnh xuống nền nhà làm rung chuyển thêm nghi cầu thang. Zoe đưa vào bốn viên chức thành phố và ba mươi người lính của vệ binh quốc gia.

Alcide không động đậy nữa và không phát ra chút hơi thở nhẹ nhàng nào.

“Hãy đứng lên, hỡi nữ công dân”, một vệ binh ra lệnh.

Một tên khác bắt bẻ rằng nữ công dân không thể mặc quần áo trước những người đàn ông.

Một công dân, nhìn thấy chai rượu vang, liền cầm lấy chai, thưởng thức, và những người khác ngửa cổ dốc hết rượu vào mồm.

Một tên cò mỗi vui vẻ ngồi trên giường và nắm lấy cầm của bà Danger:

“Thật uống phí biết bao khi bà là một nữ quý tộc với một khuôn mặt rất xinh đẹp và phải cắt bỏ đi cái cổ thon thon này!”

“Nào! Bà Danger nói, tôi thấy các anh là những người thật dễ thương. Các anh hãy làm nhanh đi và đi tìm những gì các anh cần phải tìm, vì tôi hết sức buồn ngủ.”

Họ ở lại hai giờ chết chóc trong căn phòng; tên này tên nọ đi ngang qua trước giường đến hai mươi lần và nhìn xem có ai dưới giường không. Rồi, sau khi tuôn ra hàng ngàn lời xấc láo, họ bỏ đi.

Tên cuối cùng vừa quay gót, bà Danger nhỏ thó ló đầu trong góc tiếp khách và gọi:

“Ông Alcide! Ông Alcide!”

Một giọng nói rên rĩ đáp lại:

“Trời ơi! họ có thể nghe chúng ta. Lạy Chúa! Thưa bà, hãy thương xót tôi!”

“Ông Alcide, bà nội tôi nói tiếp, ông khiến tôi lo sợ biết chừng nào! Tôi không hiểu ông nữa, tôi tưởng ông đã chết và với ý nghĩ đang nằm trên một người chết, tôi đã nghĩ hàng trăm lần là mình sẽ bị ngắt đi. Ông Alcide ơi, theo tôi, ông không quá mệt mỏi vì việc đó đâu. Khi người ta không chết, người ta nói đó là trời ơi là trời! Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ông vì ông làm cho tôi kinh hãi.”

Không phải bà nội tôi tuyệt vời đối với ông Alcide đáng thương hay sao? Bà sẽ che giấu ông ở Meudon ngày hôm sau và cứu thoát ông thật tử tế.

Có lẽ người ta không nghi ngờ cô con gái của triết gia Dussel đã tin vào các phép lạ thật dễ dàng, và mạo hiểm trên ngưỡng cửa của thế giới siêu nhiên. Bà không có mảy may tôn giáo nào và lương tri của bà hơi ngắn, bà tức giận vì bất cứ huyền nhiệm nào. Tuy nhiên, con người rất biết điều này thuật lại cho người nào muốn nghe một sự kiện tuyệt vời mà bà là nhân chứng.

Khi đến thăm cha tôi, ở *Récollets de Versailles*, bà đã quen biết phu nhân de Laville đang bị giam ở

đó. Khi bà này được phóng thích, bà đến cư ngụ tại đường Lancry, trong cùng ngôi nhà với bà nội tôi. Cả hai căn hộ đều nhìn ra trên thềm nghi cầu thang.

Bà de Laville ở chung với em gái tên Amélie.

Amélie cao lớn và xinh đẹp. gương mặt xanh xao được trang điểm bằng một mái tóc đen biểu lộ một vẻ đẹp không ai sánh kịp. Đôi mắt cô, trĩu nặng sự bạc nhược hay nhiệt tình, tìm kiếm quanh cô một thứ gì đó xa lạ.

Là nữ kinh sĩ ở tu nghị thế tục của Argentièrre, trong khi mong đợi một nơi cư trú ngoài thế gian. Theo lời đồn, Amélie, từ khi bước ra khỏi thời thơ ấu, đã gánh chịu những đau khổ từ một tình yêu không được san sẻ và cô buộc phải im lặng.

Cô hình như bị dẫn dắt vì buồn phiền. Nó khiến cô rơi lệ mà không có lý do rõ ràng. Khi thì cô luôn trong trạng thái bất động ngu ngốc nhiều ngày liền, khi thì cô đọc ngẫu nhiên những quyển sách mộ đạo. Bị giày vò bởi những ảo tưởng riêng tư, cô quặn thắt trong những niềm đau khó tả.

Việc chị cô bị bắt giam, nhục hình của nhiều bạn bè cô, những người bị chém cũng như đồng lõa, và những báo động không dứt cuối cùng đã làm suy sụp thể tạng đã lung lay của cô. Cô trở nên gầy gò khủng khiếp. Những hồi trống mỗi ngày đều gọi các phân đội nắm lấy vũ khí, những nhóm công dân mũ bê-nê đỏ và trang bị những ngọn giáo diễn

ra trước các cửa sổ và hát bài ca *Ça ira!*, họ ném cô vào sự kinh hoàng và sau đó là những giây phút chờ đợi xen kẽ với sự phấn khích. Những rối loạn thần kinh biểu lộ một cách mạnh mẽ khủng khiếp và phát sinh những hậu quả lạ lùng.

Amélie mơ những giấc mơ có tính cách sáng suốt gây ngạc nhiên cho những người xung quanh.

Đi lang thang vào ban đêm, dù thức hay ngái ngủ, cô đều nghe những tiếng ồn ở xa, những lời than thở của những nạn nhân. Đôi khi, cô đứng lên giang cánh tay và chỉ vào trong bóng tối một thứ gì đó vô hình, cô thốt lên tên gọi Robespierre.

Chị cô nói: “Cô có những linh cảm nhất định và cô nói tiên tri về những nỗi bất hạnh.”

Vì vậy, trong đêm ngày 9 đến ngày 10 tháng *thermidor*, bà nội tôi cũng như cha tôi ở trong phòng của hai chị em: bốn người rất sôi nổi trong khi đúc kết những biến cố nghiêm trọng trong ngày và cố gắng phỏng đoán kết cục của chúng: tên độc tài bị bắt giữ theo sắc lệnh, bị điệu đến Luxembourg và bị phủ nhận bởi người gác cổng, sau đó bị dẫn ra các văn phòng của cảnh sát, trên khu phố *des Orfèvres*, rồi được Công xã giải thoát và mang đến *Hôtel de Ville*...

Ông còn ở đó không và trong thái độ nào, chịu nhục nhã hay đe dọa? Cả bốn người đều cảm thấy hết sức lo lắng và không nghe thấy gì, nếu không,

từng lúc, tiếng phi ngựa của các sĩ quan liên lạc của Henriot đang đốt cháy mặt lát của những đường phố. Họ chờ đợi và đồng thời trao đổi từng lúc một kỷ niệm, một hoài nghi, một lời nguyện. Amélie vẫn giữ im lặng.

Thình lình, cô thốt lên một tiếng thật lớn.

Đã một giờ ruỗi sáng. Nghiêng mình trên một gương soi, hình như cô chiêm ngưỡng một sân khấu bi kịch.

Cô nói:

“Tôi thấy nó! Tôi thấy nó! Nó xanh xao biết chừng nào! Máu tuôn ra xối xả từ miệng, răng và hàm của nó bị vỡ. Hãy ca ngợi Thiên Chúa! Kề ướng máu sẽ không ướng máu của y nữa”!...

Sau khi kết thúc những lời mà cô thốt lên trên khúc ca ngâm lạ lùng, cô bật lên một tiếng kinh hãi và ngã lộn mình ra sau. Cô đã ngất đi.

Ngay vào lúc đó, trong phòng hội đồng của *Hôtel de Ville*, Robespierre đón nhận một báng súng ngắn khiến y bị vỡ quai hàm và kết thúc thời kỳ Khủng Bố.

Bà nội tôi, người có một tinh thần mạnh mẽ, tin tưởng vững chắc vào thị kiến này.

“Cô giải thích điều đó như thế nào?”

Tôi giải thích điều đó bằng cách lưu ý rằng bà nội tôi, mặc dù có đầu óc mạnh mẽ, vẫn còn tin

nhiều vào ma quỷ và ma sói. Vì còn trẻ, toàn bộ trò phù thủy này làm cô thích thú, và theo lời đồn cô là một người làm sách lịch. Sau này, cô sợ ma quỷ; nhưng đã muộn: ma quỷ đã nắm lấy cô, cô không thể không tin vào điều đó.”

Ngày 9 tháng *Thermidor* trả lại cuộc sống dễ chịu cho cái xã hội nhỏ của đường phố Lancry. Bà nội tôi đã tận hưởng nhiều sự thay đổi này; nhưng bà không thể giữ mối hiềm thù đối với những người của Cách mạng. Bà không khâm phục họ - bà không bao giờ khâm phục ai ngoài tôi - bà không bao giờ suy nghĩ đòi hỏi họ trả giá nỗi lo sợ mà họ gây ra cho bà. Điều đó có lẽ bắt nguồn từ việc họ không làm cho bà lo sợ. Điều đó xuất phát chủ yếu từ việc bà nội tôi là người thuộc phe xanh, một người phe xanh trong tâm hồn. Như người khác đã nói, những người phe xanh luôn luôn là những người phe xanh.

Tuy nhiên, Danger theo đuổi sự nghiệp rực rỡ xuyên qua tất cả các chiến trường. Luôn luôn hạnh phúc, ông, trong bộ đồng phục đại lễ, chỉ huy lũ đoàn, khi ông bị giết bởi một quả đạn pháo ngày 20 tháng tư năm 1808, trong trận chiến Absenberg.

Qua thầy thể dục, bà nội tôi cho biết mình ở góa và tướng Danger “được chôn cất dưới những cây trúc đào”.

Bà hét lên:

“Bất hạnh biết bao! Một người đàn ông lịch thiệp biết bao!”

Năm sau, bà kết hôn với ông Hippolyte Nozière, viên chức cao cấp ở bộ tư pháp, con người thanh lịch và vui vẻ, ông thổi sáo từ sáu đến chín giờ sáng và từ năm đến tám giờ tối. Lần này, đó là một cuộc hôn nhân thực sự. Họ yêu nhau và dù không còn trẻ trung nữa, họ biết khoan dung với nhau. Caroline tha thứ cho Hippolyte cây sáo vĩnh cửu của ông. Và Hippolyte chuyển qua cho Caroline những mặt trăng mà cô có trong đầu. Họ sống hạnh phúc.

Ông nội Nozière của tôi là tác giả của *Statistique des Prisons*, Paris, Nhà in hoàng gia, 1817-1819, 2 quyển, in-4; và *Filles de Monus, chansons nouvelles*, Paris, chez l’auteur, 1821, in-18.

Bệnh gút là đại họa cho bà; nhưng nó không thể cắt đi niềm sung sướng của bà, thậm chí ngăn cấm bà thổi sáo; cuối cùng, bà bóp nghẹt nó. Tôi đã không biết bà, nhưng tôi có bức chân dung của bà: ở đó tôi thấy bà mặc áo xanh, tóc xoắn như một con chiên và cầm lẹm trong chiếc cà vạt khổng lồ.

“Tôi hối tiếc điều đó cho đến ngày cuối cùng của tôi, bà nội tôi nói vào lúc 80 tuổi, sau mười lăm năm góa bụa.”

“Bà rất có lý, thưa bà, một ông bạn già trả lời bà,

ông Nozière có tất cả những đức tính để trở thành một người chồng tốt.”

“Tất cả những đức tính và tất cả những khiếm khuyết, nếu muốn”, bà nội tôi đáp lại.

“Để là một người chồng hoàn thiện, thưa bà, vậy phải có những khiếm khuyết”.

“Thật đáng tiếc! Bà nội tôi vừa nói vừa nhún vai; không nên có những tính xấu, đó là một khiếm khuyết lớn!”

Bà mất ngày 4 tháng bảy 1853, trong độ tuổi tám mươi mốt.

Nguyên tác: La grand-maman Nozière